

Số: 115/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Thực hiện Công văn số 8678/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo bổ sung dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với 10 dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024 với tổng số vốn: 5.912.041 triệu đồng *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*.

I. Nguyên tắc phân bổ

1. Vốn ngân sách Trung ương:

a) Bố trí đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Đối với các dự án trọng điểm, các dự án đường liên vùng của địa phương; các dự án chuyển tiếp; 03 Chương trình mục tiêu quốc gia bố trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án, chương trình.

2. Vốn ngân sách địa phương:

Bố trí vốn theo đúng nguyên tắc đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên, trong đó:

a) Bố trí đủ vốn cho: (i) Các dự án đã được phê duyệt quyết toán; (ii) Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo thời gian bố trí vốn; (iii) Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án ODA; (iv) Các dự án có thời gian bố trí vốn đến hết năm 2024 theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;

b) Đối với dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024; dự án khởi công mới năm 2024 bố trí vốn theo nhu cầu và tiến độ triển khai thực hiện của dự án.

II. Nội dung phân bổ

1. Vốn ngân sách Trung ương: 1.657.440 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn trong nước: 1.640.040 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực, dự án trọng điểm, liên vùng: 1.220.530 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 385.040 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

- Vốn Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 34.470 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Vốn nước ngoài: 17.400 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

2. Vốn ngân sách địa phương: 4.254.601 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn đầu tư ngân sách địa phương xây dựng cơ bản tập trung: 839.601 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 15.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 3.100.000 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh: 1.754.075 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố và chi đầu tư khác: 1.345.925 triệu đồng.

d) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất: 300.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan bố trí đủ vốn để thực hiện và hoàn thành các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn tại Điều 1 Nghị quyết này và chỉ đạo Ủy ban

nhân dân các cấp bố trí đủ vốn để thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định thời gian bố trí vốn, đồng thời triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công năm 2019; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT,CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

TT	Danh mục dự án/chương trình	Nhóm dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn còn lại giai đoạn 2024 - 2025	Quyết định thời gian bố trí vốn đến năm	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn						
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	B	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh	438.543	93.027	93.027	90.752	87.892	2025	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	
III	Khu công nghiệp				4.160.338	120.000	4.040.338	1.208.650,986	1.028.459,986			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2024 - 2025											
1	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Diềm Thủy - Khu A	A	2012-2025	Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của UBND tỉnh	1.416.954	120.000	1.296.954	177.653	169.553	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Diềm Thủy (Phần diện tích 180 ha)	B	2013-2025	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh	198.337		198.337	165.243,986	165.231,986	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	
3	Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân tại xóm Hắng phục vụ Khu công nghiệp Diềm Thủy (thuộc phần diện tích 180ha)	B	2014-2025	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh	202.380		202.380	102.697	102.690	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	
4	Đường 36m nói Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công	B	2016-2025	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	264.564		264.564	142.437	72.542,986	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	

TT	Tên danh mục dự án/chương trình	Nhóm dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn còn lại giai đoạn 2024 - 2025	Quyết định thời gian bố trí vốn đến năm	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
				Số ngày tháng năm	Tổng số						Trong đó: Vốn
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
5	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - diện tích 250ha	A	2017-2025	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh	1.757.775	1.757.775	403.960	327.936,179	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Dự án đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh; được HĐND tỉnh cho ý kiến về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 31/3/2022
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II	B	2017-2025	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh	320.328	320.328	216.660	190.505,835	2024-2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	

Phụ lục II**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ	5.912.041	
1	Vốn ngân sách Trung ương	1.657.440	
-	Vốn trong nước	1.640.040	
	+ Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực, dự án trọng điểm, liên vùng	1.220.530	
	+ Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	34.470	Chi tiết tại Phụ lục IV
	+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	184.155	Chi tiết Phụ lục III
	+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	196.493	Chi tiết tại Phụ lục III
	+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.392	Chi tiết tại Phụ lục III
-	Vốn nước ngoài	17.400	Chi tiết tại Phụ lục V
2	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	4.254.601	
	Trong đó: Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	120.000	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	839.601	Chi tiết tại Phụ lục VI
2.2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000	Chi tiết tại Phụ lục VII
2.3	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.100.000	
-	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	1.754.075	Chi tiết tại Phụ lục VIII
-	Ngân sách cấp huyện quản lý	1.345.925	Giao theo dự toán chi
2.4	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	300.000	Chi tiết tại Phụ lục IX

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số 115 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
TỔNG SỐ:												
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			90.000	90.000	0	73.462	67.828	37.778	1.928		
	<i>Dự án nhóm B</i>											
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			90.000	90.000	0	73.462	67.828	37.778	1.928		
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2023</i>			90.000	90.000	0	73.462	67.828	37.778	1.928		
-												
1	Trường THPT Túc Tranh, huyện Phú Lương	2022 - 2024	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh	90.000	90.000		73.462	67.828	37.778	1.928	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Y tế, dân số và gia đình			200.000	130.000	0	130.000	115.887	55.887	14.113		
	<i>Dự án nhóm B</i>											
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			200.000	130.000	0	130.000	115.887	55.887	14.113		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			200.000	130.000	0	130.000	115.887	55.887	14.113		
			Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh								Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
1	Xây dựng mở rộng, nâng cấp Bệnh viện A Thái Nguyên	2022 - 2025		200.000	130.000		130.000	115.887	55.887	14.113		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Năm 2023						
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương									
III	Các hoạt động kinh tế			5.367.957	3.801.227,61	1.217.130,39	3.801.228	2.300.453	932.661	1.187.951				
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			414.599	50.000	15.000	50.000	26.500	11.500	5.000				
	<i>Dự án nhóm B, nhóm C</i>													
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			414.599	50.000	15.000	50.000	26.500	11.500	5.000				
-	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			414.599	50.000	15.000	50.000	26.500	11.500	5.000				
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021 - 2025		414.599	50.000	15.000	50.000	26.500	11.500	5.000			Chi cục Kiểm lâm	
III.2	Giao thông			4.903.358	3.701.227,61	1.202.130,39	3.701.228	2.245.107	893.161	1.166.034				
	<i>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</i>													
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			4.903.358	3.701.227,61	1.202.130,39	3.701.228	2.245.107	893.161	1.166.034				
-	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			4.903.358	3.701.227,61	1.202.130,39	3.701.228	2.245.107	893.161	1.166.034				
1	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	2022-2025		699.358	345.824	353.534	345.824	282.661	182.661	13.479.134			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
2	Truyền dương liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	2022-2025	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh số: 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Các Quyết định UBND tỉnh số: 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	4.204.000	3.355.403,61	848.596,39	3.355.403,61	1.962.445,13	710.500	1.152.554,866	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh		
III.3	Công nghệ thông tin			50.000	50.000	0	50.000	28.846	28.000	16.917			
	Dự án nhóm B												
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			50.000	50.000	0	50.000	28.846	28.000	16.917			
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			50.000	50.000	0	50.000	28.846	28.000	16.917			
1	Đầu tư hiện đại hóa kỹ thuật, công nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, sự nghiệp phát thanh truyền hình tỉnh Thái Nguyên	2021 - 2025	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh	50.000	50.000		50.000	28.846	28.000	16.917	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Thái Nguyên		
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						1.539.349	741.517	420.744	401.578			
IV.1	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020			43.473	37.134	6.339	16.538	0	0	16.538	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31/8/2023		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023					
		Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương										
1	Sửa chữa, nâng cấp cum các công trình thủy lợi huyện Phú Bình (thổ Vực Giảng, xã Tân Hòa; hồ Đông Quan, xã Ban Đạt)		Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh	13.367	10.000	3.367		0	0					Giao UBND tỉnh quyết định giao chi tiết cho dự án sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đông Xiển, xã Yên Lạc; Đập Núi Phấn, xã Đông Đạt, huyện Phú Lương		Các Quyết định UBND tỉnh số 1609/OD-UBND ngày 26/7/2012; số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012	30.106	27.134	2.972		0	0					
IV.2	Ngân sách Trung ương hỗ trợ các Chương trình MTQG						1.522.811	741.517	420.744			385.040		
1	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>						778.050	409.640	231.240			184.155		
-	Thành phố Thái Nguyên						52.250	29.581	18.554			12.875	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
-	Thành phố Sông Công						14.250	8.067	5.060			3.511	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	
-	Thành phố Phổ Yên						28.619	18.316	8.434			5.852	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên	
-	Huyện Đại Từ						164.177	73.874	42.168			57.340	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
-	Huyện Phú Lương						65.131	34.135	20.241			19.758	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
-	Huyện Đông Hồ						93.350	38.596	20.241			19.375	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hồ	
-	Huyện Định Hóa						194.971	103.179	71.024			27.135	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
-	Huyện Võ Nhai						55.665	35.135	11.807			9.570	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
-	Huyện Phú Bình						109.637	68.757	33.711			28.739	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Năm 2023						
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương									
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						12.007	4.697	3.656	4.392				
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội						12.007	4.697	3.656	4.392				
+	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thông tin để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh	13.808	12.007	1.801	12.007			4.392	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án		
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			171.239,06	74.734,00	96.340,06	732.754	327.180	185.848	196.493				
3.1	Ban Dân tộc tỉnh			1.623	1.458	-	1.458	-	-	1.458				
-	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	1.623	1.458		1.458			1.458	Ban Dân tộc tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án		
3.2	Sở Giáo dục và Đào tạo			110.000	21.440	88.560	21.440	0	0	1.000				
-	Dự án 5			110.000	21.440	88.560	21.440	0	0	1.000				
+	Tiểu dự án 1	2024-2026		110.000	21.440	88.560	21.440	0	0	1.000	Sở Giáo dục và Đào tạo			
3.3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			59.616,06	51.836	7.780,06	52.825	19.511	9.978	19.922				
-	Dự án 6:			59.616,06	51.836	7.780,06	51.836	19.511	9.978	19.922	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
+	Tu bổ, tôn tạo Gùm đi tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát xã Phú Đình, huyện Đình Hòa	2023-2024	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh	4.009,87	3.487	522,87	3.487	2.943	410	347	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Năm 2023						
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương									
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng xóm Tân Đò, xã Hòa Bình, huyện Đông Hồ	2023-2024	Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 08/6/2023; số 2174/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	10.642,19	9.253	1.389,19	9.253	8.124	1.124	388	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
+	Tu bổ di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tin Kéo xã Phú Đình, huyện Đình Hoá (1948-1954)	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh	3.264	2.838	426	2.838	2.000	2.000	680	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bàn Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh; Các Quyết định UBND tỉnh số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; số 2772/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	9.000	7.825	1.175	7.825	2.700	2.700	4.190	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
+	Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chai, xóm Đông Kệu, xã Phú Đình, huyện Đình Hóa	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; số 2773/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	10.700	9.304	1.396	9.304	3.344	3.344	5.340	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
+	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn Chợ Chu, huyện Đình Hoá	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh	22.000	19.129	2.871	19.129	400	400	8.977	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Tổng số		T trong đó: Năm 2023				
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
3.4	<i>Liên minh Hợp tác xã tỉnh</i>					972					72		
-	Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh	1.082	972		972				72	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Dự án chuẩn bị đầu tư
3.5	<i>Cấp huyện</i>					656.059	307.669	175.870	174.041				
-	Thành phố Thái Nguyên					2.505	1.495	808	504		504	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
-	Thành phố Phố Yên					3.527	2.105	1.137	710		710	Ủy ban nhân dân thành phố Phố Yên	
-	Huyện Đại Từ					69.965	32.176	15.626	18.880		18.880	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
-	Huyện Phú Lương					56.461	29.108	19.197	13.666		13.666	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
-	Huyện Đông Hy					106.503	43.048	25.092	31.700		31.700	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hy	
-	Huyện Định Hóa					162.261	80.416	45.646	40.890		40.890	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
-	Huyện Võ Nhai					240.863	112.175	63.941	64.280		64.280	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
-	Huyện Phú Bình					13.974	7.146	4.423	3.411		3.411	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	

Phụ lục IV
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
NGUỒN VỐN: CHŨNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
I	Xã hội		275.000	275.000		275.000	240.530	240.530	34.470			
			70.000	70.000		70.000	62.000	62.000	8.000			
1	Dự án Trung tâm điều dưỡng và Phục hồi chức năng tâm thần kinh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh	70.000	70.000		70.000	62.000	62.000	8.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
II	Y tế, dân số và gia đình			205.000	205.000		205.000	178.530	178.530	26.470		
1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh	30.000	30.000		30.000	20.330	20.330	9.670	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/03/2023 của UBND tỉnh	163.000	163.000		163.000	146.700	146.700	16.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
3	Dự án đầu tư xây mới 03 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 25/3/2023 của UBND tỉnh	12.000	12.000		12.000	11.500	11.500	500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

Đơn vị: Triệu đồng

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Thời gian kết thúc	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chức danh tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú			
					Tổng mức đầu tư			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối NSTW	
					Vốn đối ứng		Trong đó:	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt								Trong đó:
					Tổng số	Trong đó:			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ:			2.250.000	967.500	967.500	0	1.282.500	384.750	897.750	1.069.252	337.366	17.400	17.400			
	Các hoạt động kinh tế			2.250.000	967.500	967.500	0	1.282.500	384.750	897.750	1.069.252	337.366	17.400	17.400			
A	Công trình công cộng tại các đô thị			2.250.000	967.500	967.500	0	1.282.500	384.750	897.750	1.069.252	337.366	17.400	17.400			
I	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			2.250.000	967.500	967.500	0	1.282.500	384.750	897.750	1.069.252	337.366	17.400	17.400			
1	Phát triển tổng hợp đô thị đồng lực - thành phố Thái Nguyên	2023	Quyết định số 425/QĐ-TTg ngày 24/3/2021; số 875/QĐ-UBND ngày 03/4/2018; số 2357/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	2.250.000	967.500	967.500	57 triệu USD	1.282.500	384.750	897.750	1.069.252	337.366	17.400	17.400	UBND thành phố Thái Nguyên Nhà tài trợ cho phép được giải ngân thêm 04 tháng để kết thúc khoản vay vào ngày 30/4/2024.		

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XD/CB TẬP TRUNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giải		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chú đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Năm 2023						
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
	TỔNG SỐ		8.022.103	3.722.335,36	3.090.800,89		2.907.029	1.691.683	670.257	839.601				
I	Quốc phòng		233.964	122.011	110.104		77.870	21.241	10.959	47.595				
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2023</i>		173.964	122.011	50.104		17.870	10.132	0	7.704				
1	Sở Chi huy A2/Bộ Chi huy quân sự tỉnh	2017-2023	Quyết định số 5304/QĐ-BQP ngày 22/11/2017	70.000	50.000	20.000	13.525	8.525	0	5.000	Bộ Chi huy quân sự tỉnh	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023		
*	<i>Dự án được quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đến năm 2024</i>													
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	2012-2022	Các Quyết định UBND tỉnh số: 1580/QĐ-UBND ngày 24/7/2012; số 285/QĐ-UBND ngày 09/2/2017	89.502	68.161	21.342	3.696	1.607	0	2.089	Bộ Chi huy quân sự tỉnh	Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn theo quy định tại điểm c, Khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội		
3	Dự án Xây dựng nâng cấp doanh trại Ban Chi huy quân sự huyện Phú Lương	2017-2023	Các Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 14/9/2015; số 2316/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	14.462	3.850	8.762	649	0	0	615	Bộ Chi huy quân sự tỉnh	973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội		
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			40.000	0	40.000	40.000	11.059	10.959	28.941				
1	Xây dựng trụ sở Ban Chi huy quân sự cấp xã giai đoạn 2021-2025	2022-2024	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh	40.000		40.000	40.000	11.059	10.959	28.941	Bộ Chi huy quân sự tỉnh			
<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			20.000	0	20.000	20.000	50	0	10.950				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chịu đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
1	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2024-2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh	20.000	20.000	0	20.000	20.000	50	0	10.950	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			20.000	20.000	0	20.000	20.000	13.152	12.797	6.848		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>0</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>13.152</i>	<i>12.797</i>	<i>6.848</i>		
1	Trụ sở Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh	2023-2025	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh	20.000	20.000		20.000	20.000	13.152	12.797	6.848	Công an tỉnh	
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			303.404	244.640	0	239.574	54.931	42.743	128.843			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2023</i>			<i>35.585</i>	<i>11.527</i>	<i>0</i>	<i>1.799</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.799</i>			
1	Mở rộng, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường THPT Trần Quốc Tuấn (giai đoạn II)	2018-2020	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của UBND tỉnh	35.585	11.527		1.799	0	0	1.799		Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>103.131</i>	<i>76.786</i>	<i>0</i>	<i>76.786</i>	<i>23.253</i>	<i>11.265</i>	<i>30.966</i>			
			Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	103.131	76.786		76.786	23.253	11.265	30.966		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	
1	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phố Yên (nay là thành phố Phố Yên)	2017-2025	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	103.131	76.786		76.786	23.253	11.265	30.966		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giải đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chịu đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024		96.748	0	88.387	91.139	30.725	30.625	57.660			
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Đinh Hòa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2022; Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	30.000		21.639	6.500	6.400	15.139	Ủy ban nhân dân huyện Đinh Hòa		
2	Xây dựng Nhà học bộ môn, phòng học Trường THPT Lương Phú	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	7.500		7.500	6.125	6.125	1.375	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
3	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng trường THPT Sông Công	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	10.000		10.000	3.000	3.000	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
4	Xây dựng Nhà lớp học 15 phòng Trường THPT Đinh Hóa	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	10.000		10.000	2.900	2.900	7.099	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
5	Xây dựng Nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng tổ chuyên môn Trường THPT Đại Từ	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	13.000		13.000	3.700	3.700	9.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
6	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn, thư viện Trường THPT Phú Yên	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.000		5.000	1.400	1.400	3.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giải đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
7	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Lưu Nhân Chú	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.927			5.927	6.000	1.800	1.800	4.126	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
8	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Trần Phú	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	4.779			4.779	6.000	1.700	1.700	3.079	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
9	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Khánh Hòa	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.038			5.038	6.000	1.800	1.800	3.238	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
10	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đông Hồ	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.504			5.504	6.000	1.800	1.800	3.704	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
đ	Dự án khởi công mới			67.940	0	0	67.940	69.850	953	853	38.418		
1	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng, Nhà hiệu bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến	2024-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	29.850			29.850	29.850	653	653	16.418	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Xây dựng Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt	2024-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	8.090			8.090	10.000	200	200	5.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
3	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề dân tộc mới trù tính Thái Nguyên (Xây dựng Nhà KTX, nhà ăn, nhà đa năng)	2024-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2022; Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	30.000			30.000	30.000	100	100	16.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Năm 2023						
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
IV	Y tế, dân số và gia đình		334.542	53.525	245.863	191.463.359	100.218	40.868	60.350					
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>		295.613	53.525	210.000	156.463.359	100.068	40.868	41.250					
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 1)	2021-2025	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	266.725	53.525	185.000	131.463.359	86.318	27.218	30.000	Bệnh viện Y học cổ truyền			
2	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	2022-2024	Nghi quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	28.888		25.000	25.000	13.750	13.650	11.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			38.929	0	35.863	35.000	150	0	19.100				
1	Đầu tư xây dựng 3 trạm y tế xã: La Hiên huyện Võ Nhai, Nhã Lộng, Tân Hòa, huyện Phú Bình	2024-2025	Nghi quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 14/7/2022, Nghi quyết số 113 /NQ-HĐND ngày 08/12/2023	13.863		13.863	13.000	50	0	7.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			
2	Khoa khám chữa bệnh, Bệnh viện Mái Thái Nguyên	2024-2025	Nghi quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định 1666/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	25.066		22.000	22.000	100	0	12.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			
V	Văn hóa, thông tin			164.692	0	104.915	110.451	53.960	35.750	56.491				
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			164.692	0	104.915	110.451	53.960	35.750	56.491				
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Đình Hòa), xã Phú Đình, huyện Đình Hòa	2022-2024	Nghi quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	40.000		20.000	20.000	10.000	9.100	10.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

TT	Danh mục dự án/Chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
2	Tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2021-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	15.000		10.000	7.500	7.450	2.500	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
3	Nhà in Báo Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	9.989		9.989	3.000	3.000	6.989	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Lục Giáp, xã Đắc Sơn, thị xã Phú Yên	2019 - 2024	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/3/2018	23.453		19.000	9.562	1.200	9.438	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực), xã Tiên Phong, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	2019 - 2024	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; số 3762/QĐ-UBND ngày 07/12/2018; số 1792/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; số 2910/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	76.250		51.462	23.898	15.000	27.564	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	
VI	Thể dục, thể thao			39.981	0	39.981	9.000	8.900	30.981			
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			<i>39.981</i>	<i>0</i>	<i>39.981</i>	<i>9.000</i>	<i>8.900</i>	<i>30.981</i>			
1	Sửa chữa, cải tạo Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	39.981		39.981	9.000	8.900	30.981	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
VII	Các hoạt động kinh tế			6.139.280	3.513.430,61	1.575.590,39	297.828	70.735	169.565,70			
VII.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			257.021	65.000	92.021	46.462	43.429	41.522,00			

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giải		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>		230.000	65.000	65.000	65.000	29.565	26.732	31.398				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	2020-2024	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2019	80.000	65.000	15.000	3.646	963	7.317	Chi cục Thủy lợi			
2	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Nghi quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; QĐ số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	150.000		50.000	25.919	25.769	24.081	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			27.021	0	27.021	16.897	16.697	10.124				
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	2022-2024	Nghi quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghi quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026		12.026	7.547	7.447	4.479	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			
2	Sửa chữa, khắc phục Kè Sỏi Quý xã Tiên Phong, thị xã Phú Yên (may là thành phố Phú Yên)	2022-2024	Nghi quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; QĐ số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	14.995		14.995	9.350	9.250	5.645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			
VII.2	Giao thông			4.284.500	3.355.403,61	929.096,39	220.556	16.456	28.065.700				
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			4.264.500	3.355.403,61	909.096,39	219.856	15.756	17.065.700				
1	Tuyên dương liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	2022-2025	Nghi quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Nghi quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	4.204.000	3.355.403,61	848.596,39	191.475	1.475	10.525	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh			

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
			Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương							
2	Nâng cấp, mở rộng đường Gôm đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	2021-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60.500		60.500	34.922	28.381	14.281	6.540,7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
b	Dự án khởi công mới			20.000	0	20.000	20.000	700	700	11.000		
1	Đường giao thông xóm Khe Cài - Suối Khê, xã Vũ Chân đi xóm Nà Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	2024-2025	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	20.000		20.000	20.000	700	700	11.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Võ Nhai	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
VIII.3	Cấp nước, thoát nước			1.403.901	93.027	360.615	114.822	5.060	2.100	51.870		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024			965.358	0	267.587	24.070	2.200	2.100	21.870		
1	Dự án Hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	2016-2024	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488		252.717	9.200			9.200	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023
2	Xây dựng Hồ sơ có kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	14.870		14.870	14.870	2.200	2.100	12.670	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			438.543	93.027	93.028	90.752	2.860		30.000		
*	Dự án được quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đến năm 2025											
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.543	93.027	93.028	90.752	2.860		30.000	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau khi dự án được phê duyệt điều chỉnh

TT	Tên danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
			Trong đó: Vốn									
			Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương							
VIII.4	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoại ngân sách: hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			193.858	0	193.858	118.858	25.750	8.750	48.108		
1	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025			14.858		14.858	14.858	7.000	2.000	7.858	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh	
2	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025			14.000		14.000	14.000	8.750	1.750	5.250	Hội Nông dân tỉnh	
3	Quỹ phát triển hợp tác xã			40.000		40.000	40.000	10.000	5.000	30.000	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	
4	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên			125.000		125.000	50.000			5.000		
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			422.240	0	419.077	102.689	88.812	81.812	8.040		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024			405.000	0	405.000	88.612	88.312	81.312	300		
1	Xây dựng trụ sở làm việc khởi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2024		405.000		405.000	88.612	88.312	81.312	300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
b	Dự án khởi công mới			17.240	0	14.077	14.077	500	500	7.740		
1	Trụ sở nhà làm việc Hạt Kiểm lâm Phú Bình	2024-2025		5.000	0	5.000	5.000	200	200	2.750	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
2	Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	2023-2024	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	12.240			9.077	300	300	4.990	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
IX	Xà hội			45.000	33.369	11.631	11.631	5.050	5.000	6.581		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024			45.000	33.369	11.631	11.631	5.050	5.000	6.581		
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	2021-2024	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 21/6/2021, Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	45.000	33.369	11.631	11.631	5.050	5.000	6.581	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
X	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			319.000	0	319.000	1.530.742	1.047.491	360.693	324.306.300		
X.1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			319.000		319.000	151.000	127.980	55.980	23.020		
1	Thành phố Sông Công						745			745	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	
2	Thành phố Phú Yên						3.726	2.000	2.000	1.726	Ủy ban nhân dân thành phố Phú Yên	
3	Huyện Phú Lương						11.226	10.000	2.000	1.226	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
4	Huyện Đông Hy						20.663	9.000	5.000	11.663	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hy	
5	Huyện Võ Nhai						20.464	12.804	4.804	7.660	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
X.2	Số vốn chuẩn bị đầu tư									23.244,3		
X.3	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHẦN CẤP CHO HUYỆN)						1.379.742	919.511	304.713	278.042		
1	PHẦN CẤP CHO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ						1.280.000	885.290	285.290	246.000		
1.1	Thành phố Thái Nguyên						155.079	117.109	54.807	31.517	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
1.2	Thành phố Sông Công						105.560	70.635	17.967	17.967	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	
1.3	Thành phố Phú Yên						220.975	171.595	25.405	25.405	Ủy ban nhân dân thành phố Phú Yên	
1.4	Huyện Đại Từ						162.274	133.160	61.928	29.114	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
1.5	Huyện Phú Lương						118.612	72.236	23.858	40.672	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	Dự kiến huyện về đích NTM năm 2024

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chi trả/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giải		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
1.6	Huyện Đông Hy						128.781	78.256	25.994	25.994	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hy		
1.7	Huyện Đình Hòa						128.781	78.256	25.994	25.994	Ủy ban nhân dân huyện Đình Hòa		
1.8	Huyện Võ Nhai						118.262	72.031	23.785	23.785	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai		
1.9	Huyện Phú Bình						141.676	92.012	25.552	25.552	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình		
2	Đổi ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số						99.742	34.221	19.423	32.042			
2.1	Đổi ứng ngân sách tỉnh cho Chương trình MTQG giảm nghèo		13.808	12.007	1.801	1.801	1.801	704	548	500			
*	Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)		13.808	12.007	1.801	1.801	1.801	704	548	500	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
-	Dự án hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3)		13.808	12.007	1.801	1.801	1.801	704	548	500	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án	
	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thông tin để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	2023-2025	13.808	12.007	1.801	1.801	1.801	704	548	500	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
2.2	Vốn đổi ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025						97.941	33.517	18.875	31.542			
*	Ban Dân tộc tỉnh		1.623	1.458	165	165	165	60	60	105			
-	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên		1.623	1.458	165	165	165	60	60	105	Ban Dân tộc tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án	
*	Sở Giáo dục và Đào tạo		110.000	21.440	88.560	3.216	0	0	150	150	Sở Giáo dục và Đào tạo		
-	Tiểu dự án 1, Dự án 5		110.000	21.440	88.560	3.216	0	0	150	150	Sở Giáo dục và Đào tạo		
*	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		59.616	51.836	7.780,06	7.780	2.927	1.497	2.992	2.992	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
-	Dự án 6:		59.616	51.836	7.780,06	7.780	2.927	1.497	2.992	2.992	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
+	Tra báo, tôn tạo Cùm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tả xã Phú Đình, huyện Đình Hồ	2023-2024	4.010	3.487	522,87	522,87	426,87	46,87	68	68	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Tổng số	Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng xóm Tân Đò, xã Hòa Bình, huyện Đông Hồ	2023-2024	Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 08/6/2023; số 2174/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	10.642	9.253	1.389,19	1.389	1.219	169	58	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
+	Tu bổ di tích Nơi Chui tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tin Keo xã Phú Đình, huyện Đình Hoá (1948-1954)	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	3.264	2.838	426	426	300	300	102	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bàn Đông, xã Oh Lương, huyện Phú Lương	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; số 2772/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	9.000	7.825	1.175	1.175	405	405	630	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
+	Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chai, xóm Đông Kêu, xã Phú Đình, huyện Đình Hòa	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; số 2773/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	10.700	9.304	1.396	1.396	516	516	787	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
+	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn Chợ Chu, huyện Đình Hoá	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	22.000	19.129	2.871	2.871	60	60	1.347	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
*	Cấp huyện						86.780	30.530	17.318	28.295			
-	Huyện Đại Từ						11.997	3.218	1.563	4.385		Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
-	Huyện Phú Lương						10.336	2.912	1.920	3.700		Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
-	Huyện Đông Hồ						17.663	4.305	2.509	6.800		Ủy ban nhân dân huyện Đông Hồ	
-	Huyện Đình Hòa						16.259	8.099	4.622	4.110		Ủy ban nhân dân huyện Đình Hòa	
-	Huyện Võ Nhai						29.120	11.216	6.394	8.950		Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
-	Huyện Phú Bình						1.405	780	310	350		Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	

Phụ lục VII
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: XỐ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giải đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		0		0	Tổng số				Trong đó: Năm 2023
Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương													
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		331.000	0	12.000	0	12.000	38.000	11.000	6.000	0	15.000	8.600	
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>													
1	Xây dựng Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Diễm Thủy, huyện Phú Bình	2024-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000			6.000	6.000	0	0	0	4.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	2024-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000			6.000	6.000	0	0	0	4.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			319.000	0	0	26.000	26.000	11.000	6.000	0	6.400		
B	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			319.000	0	0	26.000	26.000	11.000	6.000	0	6.400		
1	Thành phố Thái Nguyên						513	513	0,00	0,00	0,00	513	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
2	Thành phố Sông Công						128	128	0,00	0,00	0,00	128	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	
3	Thành phố Phổ Yên						641	641	0,00	0,00	0,00	641	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên	
4	Huyện Đại Từ						6.158	6.158	1.500	500	500	1.385	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
5	Huyện Phú Bình						2.053	2.053	500	500	500	600	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	
6	Huyện Phú Lương						1.933	1.933	1.500	500	500	433	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
7	Huyện Đông Hỷ						3.558	3.558	1.500	500	500	800	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hỷ	
8	Huyện Định Hóa						7.492	7.492	4.500	3.500	3.500	1.100	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
9	Huyện Võ Nhai						3.524	3.524	1.500	500	500	800	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	

Phụ lục VIII

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
				Ngân sách Trung ương	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh							
I	Quốc phòng		11.701.464	4.254.041,61	4.300.482,39	5.628.833	1.361.877,187	801.709,187	1.754.075			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2023</i>		33.500	0	33.500,0	33.500	31.200	3.955	1.654			
*	<i>Dự án được quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đến năm 2024</i>											
1	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2021	2021-2023	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	33.500	33.500	33.500	31.200	3.955	1.654	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		108.141	0	99.580	99.580	43.388,651	43.388,651	34.300			
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>		108.141	0	99.580	99.580	43.388,651	43.388,651	34.300			
	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2025	2022-2025	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022; số 69/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	108.141	99.580	99.580	43.388,651	43.388,651	34.300	Công an tỉnh		
III	Thể dục, thể thao		766.992	200.000	436.062	505.692	127.683	97.583	273.137			
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>		535.992	200.000	266.062	335.692	127.583	97.583	145.637			

STT	Tên dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh							
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	2022 - 2025	Nghi quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021; Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; Nghi quyết số 68/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535.992	200.000	266.062	335.692	127.583	97.583	145.637	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			231.000	0	170.000	170.000	100	0	127.500			
1	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	2021- 2025	Nghi quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	111.000		50.000	50.000	-	0	27.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án	
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao và Trường phổ thông khiêu thế dục thể thao	2021- 2025	Nghi quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	120.000		120.000	120.000	100	0	100.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án	
IV	Các hoạt động kinh tế			10.196.379	4.054.041,61	3.134.888,39	4.158.686	806.861	365.595	1.170.799			
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			708.330	195.293	163.438	162.983	26.500	23.500	86.000			
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			523.037	50.000	123.438	122.983	26.500	23.500	55.000			
1	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025	2022- 2025	Nghi quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/6/2022; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	108.438		108.438	108.438	26.500	23.500	50.000	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn		
2	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực Phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021- 2025	Nghi quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414.599	50.000	15.000	14.545	-	0	5.000	Chi cục Kiểm lâm		

STT	Tên dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh	Tổng số		Trong đó: Năm 2023				
					Ngân sách Trung ương									
b	Dự án khởi công mới		185.293	145.293	40.000	40.000	-	-	31.000					
1	Dự án Bộ tri ản định dân cư tại chỗ vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở và lũ ống, lũ quét thuộc 06 xã: Na Mao, Đức Lương, Hoàng Nông, Khởi Kỳ, Tân Linh và Kỳ Phú, huyện Đại Từ	2024-2025	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20.000		20.000			0	11.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án		
2	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn Hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	2024-2026	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	165.293	145.293	20.000	20.000	-	0	20.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
IV.2	Giao thông			9.345.049	3.771.227,61	2.915.971,39	3.752.460	675.037	239.145	949.880				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024			5.105.640	3.701.227,61	1.404.412,39	1.117.112,96	547.492	112.200	286.180				
1	Đường nội QL3 mới (Hà Nội- Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ KM3+516,9 đến Km5+434,18 và DT261- giai đoạn II	2023-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	82.282		82.282	82.282	62.200	62.200	7.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh			
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đi Khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (đoạn tuyến từ đường Vành đai V vùng Thủ đô mới về phía Nam đến khu Chua Hương Ấp)	2021-2024	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	120.000		120.000	35.000	7.620	0	27.380	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên			
3	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	2022-2025	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	4.204.000	3.355.403,61	848.596,39	646.596,39	417.672	20.000	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh			

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian, khởi hoàn thành	Số ngày tháng năm	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chú đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách Trung ương	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
4	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	2022-2024	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	699.358	345.824	353.534	353.234,573	60.000	30.000	241.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			917.504	70.000	847.504	668.842	127.345	126.945	261.700		
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ KM31 (Quốc lộ 3) đến Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	2021-2025	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/5/2023; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	302.010	70.000	232.010	221.510	28.583	28.583	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 đến ĐT.266	2023-2025	Nghị quyết số 193/NQHĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	392.729		392.729	224.567	21.700	21.500	121.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
3	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	222.765		222.765	222.765	77.062	76.862	110.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			3.321.905	0	664.055	1.966.505	200	0	402.000		
1	Đầu tư xây dựng Cầu Quang Vinh 1, Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đông Bám, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 09/11/2021	1.528.400		373.000	373.000	-	0	152.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thái Nguyên	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
2	Xây dựng Cầu An Long và Đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	2023-2025	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	350.000			150.000	-	0	50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chú đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
3	Đường kết nối ĐT.265 (Xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	2023 - 2025	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	291.055		291.055	291.055	-	0	50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
4	Đường vành đai 1 (Đoạn Bờ Đậu Phú Lương- Hòa Thượng Đông Hy)	2023 - 2025	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	1.152.450		1.152.450	1.152.450	200	0	150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
IV.3	Công nghệ thông tin			20.000	0	20.000	20.000	3.000	2.950	14.000		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			<i>20.000</i>	<i>0</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>3.000</i>	<i>2.950</i>	<i>14.000</i>		
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025	2023-2025	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000		20.000	20.000	3.000	2.950	14.000	Sở Thông tin và Truyền thông	
IV.4	Du lịch			123.000	87.521	35.479	23.243	2.324	0	20.919		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024</i>			<i>123.000</i>	<i>87.521</i>	<i>35.479</i>	<i>23.243</i>	<i>2.324</i>	<i>0</i>	<i>20.919</i>		
1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	2016-2023	Quyết định số 2973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	123.000	87.521	35.479	23.243	2.324	0	20.919	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2023
IV.5	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			200.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000		
1	Cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2021-2025			200.000		200.000	200.000	100.000	100.000	100.000	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			596.452	0	596.452	507.840	165.432.536	105.787.536	180.000		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>64.452</i>	<i>0</i>	<i>64.452</i>	<i>64.452</i>	<i>9.600</i>	<i>9.600</i>	<i>33.000</i>		

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số ngày tháng năm	Quyết định chủ trương đầu tư / Quyết định phê duyệt dự án / Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
1	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Các chi cục trực thuộc	2022-2025	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021, Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	64.452		64.452	64.452	9.600	9.600	33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024			532.000	0	532.000	443.388	155.832,536	96.187,536	147.000		
1	Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	2022-2023	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	90.000		90.000	90.000	70.438	40.843	3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh	405.000		405.000	316.388	79.044,536	49.044,536	125.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
3	Xây dựng mới Nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và Chi cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	2022-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	37.000		37.000	37.000	6.350	6.300	18.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
VI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						323.535	185.400	185.400	94.185		
VI.1	Số vốn chuẩn bị đầu tư									3.605		
VI.2	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới						323.535	185.400	185.400	90.580		
1	Thành phố Thái Nguyên						13.123	6.700	6.700	6.423	Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Nguyên	
2	Thành phố Sông Công						3.522	0,00	0	927	Ủy ban nhân dân Thành phố Sông Công	
3	Thành phố Phú Yên						7.958	3.500	3.500	1.133	Ủy ban nhân dân Thành phố Phú Yên	
4	Huyện Đại Từ						57.102	32.737	32.737	24.365	Ủy ban nhân dân Huyện Đại Từ	
5	Huyện Phú Lương						21.988	7.100	7.100	14.888	Ủy ban nhân dân Huyện Phú Lương	Dự kiến huyện về đích NTM năm 2024

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn đã bố trí giải đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó:	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Năm 2023			
6	Huyện Đông Hy					29.926	11.700	11.700	4.338	Ủy ban nhân dân Huyện Đông Hy		
7	Huyện Định Hóa					130.829	105.588	105.588	15.146	Ủy ban nhân dân Huyện Định Hóa		
8	Huyện Võ Nhai					30.724	8.496	8.496	4.576	Ủy ban nhân dân Huyện Võ Nhai		
9	Huyện Phú Bình					28.363	9.579	9.579	18.784	Ủy ban nhân dân Huyện Phú Bình		

Phụ lục IX

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: THU TIỀN THUẾ ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG TRẢ NỢ LẦN LÀN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (thu tiền thuế đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất)	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số				Trong đó: Năm 2023	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương (NSNN và các nguồn vốn khác)	Thu hồi các khoản vốn tạm ứng NSDP, hoàn trả vốn ứng quỹ phát triển đất						Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất
	TỔNG SỐ:		4.160.338	120.000	4.040.338	1.208.651	328.659	879.992	180.191	136.952	300.000	-		
	Các hoạt động kinh tế		4.160.338	120.000	4.040.338	1.208.651	328.659	879.992	180.191	136.952	300.000			
I	Khu công nghiệp		4.160.338	120.000	4.040.338	1.208.651	328.659	879.992	180.191	136.952	300.000			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2024 - 2025		4.160.338	120.000	4.040.338	1.208.651	328.659	879.992	180.191	136.952	300.000			
*	Dự án được quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đến năm 2024 - 2025													
1	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Diêm Thủy - Khu A	2012-2025	Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	1.416.954	120.000	1.296.954	177.653	38.658	138.995	8.100	8.100	60.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau khi dự án được phê duyệt điều chỉnh
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở công nhân khu công nghiệp Diêm Thủy (phần diện tích 180 ha).	2013-2025	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198.337		198.337	165.244		165.244	12	12	70.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	
3	Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân tại xóm Háng phục vụ Khu công nghiệp Diêm Thủy (thuộc phần diện tích 180ha)	2014-2025	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	202.380		202.380	102.697		102.697	7	7	10.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	
4	Dường 36m mới Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công	2016-2025	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	264.564		264.564	142.437	107.706	34.731	69.894	44.370	20.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Lũy kế vốn đã bố trí giải đoạn 2021 - 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất)	Chi đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn tạm ứng NSDP, hoàn trả vốn ứng quỹ phát triển đất	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Năm 2023				
										Trong mức đầu tư			
5	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha	2017-2025	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	1.757.775	403.960	151.237	252.723	76.024	76.024	80.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	Giao UBND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau khi dự án được phê duyệt điều chỉnh	
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II	2017-2025	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	320.328	216.660	31.058	185.602	26.154	8.439	60.000	Ban quản lý các Khu công nghiệp		